

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2023/DS-ST

Ngày 27 tháng 6 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp thừa kế theo di chúc*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Thành Nhuận**

2. Bà: **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Đèo* – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Mộng Đẹp* – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế theo di chúc*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn: bà **Lâm Thị Thu B** – sinh năm: 1957; chị **Hà Mỹ D** – sinh năm: 1995

Địa chỉ: **Đường N, Khóm F, phường I, Thành phố C, tỉnh Cà Mau**

Bị đơn: **Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu**

Địa chỉ: **Khóm 1, phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu**

Người đại diện: ông **Nguyễn L** – Giám đốc Bảo hiểm xã hội **thị xã G**.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Hà Văn D1** – sinh năm: 1956

Địa chỉ: **xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau**

Ông **Hà Văn H** – sinh năm: 1958

Địa chỉ: **ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu**

Ông **Hà Quốc K** – sinh năm: 1973

Địa chỉ: **Khóm A, phường L, thị xã G, Bạc Liêu**

Bà **Hà Thị N**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: **Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.**

Bà **Hà Thị H1**, sinh năm: 1978

Ông **Hà Văn C**, sinh năm: 1980

Bà **Hà Thanh Đ**, sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ: **Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** (Bà **Đ** cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà **N**; bà **H1** và ông **C**)

(Đồng nguyên đơn; đại diện bị đơn cùng bà **Đ** có mặt tại phiên tòa; ông **D1**; ông **H** và ông **K** có yêu cầu được xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đồng nguyên đơn bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** trình bày theo đơn khởi kiện và lời khai:

Bà **Lâm Thị T** Ba cùng chị **Hà Mỹ D** có yêu cầu:

Công nhận di chúc lập ngày 28/01/2021 là hợp pháp

Yêu cầu Bảo hiểm xã hội **thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** thanh toán khoản tiền bảo hiểm xã hội của ông **Hà Văn H2** theo di chúc được lập ngày 28/01/2021 mà bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Thị D2** thừa hưởng.

Căn cứ yêu cầu: ngày 23/7/2022 ông **Hà Văn H2** chết, trước khi chết có lập di chúc để định đoạt phần chế độ chính sách của ông **H2** cho bà **B** và chị **D2** cụ thể: “Lĩnh hết các khoản tiền nhà ưu đãi đối với người có công...lĩnh thêm tiền tuất thường xuyên hàng tháng...”. Đối với tờ di chúc này do ông **H2** tự viết ra và có chứng thực tại **UBND phường L, thị xã G** và có xác nhận của UBND phường và có giám định tình trạng sức khỏe của ông **H2**.

Đến khi ông **H2** chết, bà **B** và chị **D2** có mang giấy báo tử và di chúc nộp đến Bảo hiểm xã hội **thị xã G** để hưởng phần thừa kế này nhưng Bảo hiểm xã hội không chi trả với lý do phải có bản kê khai và cần có những người con ký vào. Từ đó, bà **B** và chị **D2** không đồng ý.

Bị đơn Cơ quan Bảo hiểm xã hội **thị xã G** trình bày:

Cơ quan Bảo hiểm xã hội là cơ quan thực hiện chính sách về Bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 111 của Luật Bảo hiểm xã hội. Trong đó Điều 111 quy định về thành phần hồ sơ hưởng chế độ tử tuất bao gồm: Bản sao giấy chứng tử hoặc báo tử; Tờ khai thân nhân (có quyền hưởng một lần hay thường xuyên);

Bên cạnh đó chế độ hưởng tử tuất có hai khoảng: bao gồm tiền mai táng phí là 10 tháng lương cơ sở và ba tháng lương hưu hiện hưởng (là hưởng 01 lần); Còn chế độ hưởng thường xuyên bao gồm mai táng phí là 10 tháng lương cơ sở và hưởng một định suất là ½ tháng lương cơ sở đối với thân nhân là cha, mẹ, vợ, chồng (đã hết tuổi lao động); con (chưa đến tuổi lao động). Trong đó: cha, mẹ, vợ chồng hưởng đến khi chết; con thì hưởng đến 18 tuổi.

Theo Quyết định 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 về quy trình giải quyết các chế độ) trong đó quy định hồ sơ bao gồm:

Bản sao giấy chứng tử hoặc báo tử;

Tờ khai thân nhân (theo mẫu 09)

Như vậy trong thành phần hồ sơ chỉ có hai nội dung trên. Nhưng theo yêu cầu của bà **Lâm Thị Thu B** và bà **Hà Mỹ D** thì không có xác nhận của chính quyền địa phương trên biểu mẫu số 09 (tờ khai). Từ lý do trên Cơ quan bảo hiểm xã hội không đủ cơ sở giải quyết chế độ tử tuất của ông **Hà Văn H2**. Còn di chúc của ông **H2** có hợp pháp hay không thì do Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết theo quy định. Còn chế độ tử tuất thì căn cứ vào quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì không có thành phần hồ sơ là di chúc để giải quyết.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà **Hà Thanh Đ** (bà **Đ** cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà **N**; bà **H1** và ông **C** trình bày:

Số tiền mai táng phí của cụ **Hà Văn H2** thì đề nghị để ông **Hà Văn C** được hưởng với lý do là ông **C** làm đám tang chôn cất ông **Hà Văn H2**.

Còn phần hưởng định suất thì bên chúng tôi không có yêu cầu

Ông Hà Quốc K trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà **Lâm Thị Thu B** và bà **Hà Mỹ D** có yêu cầu công nhận di chúc ngày 28/01/2021 là hợp pháp và yêu cầu Bảo hiểm xã hội thị xã **G, tỉnh Bạc Liêu** thanh toán khoản tiền bảo hiểm xã hội của ông **Hà Văn H2** theo di chúc được lập ngày 28/01/2021. Đối với hai yêu cầu này ông **K** không có ý kiến và không có yêu cầu. Ông **K** kính đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và thống nhất với lời trình bày của bà **Hà Thị Đ1**.

Ông Hà Văn D1 trình bày:

Đối với hai yêu cầu của bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** thì ông **D1** không có ý kiến và không có yêu cầu. Ông **Dương k** đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và thống nhất với lời trình bày của bà **Hà Thị Đ1**.

Ông Hà Văn H trình bày:

Đối với hai yêu cầu của bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** thì ông **H** không có ý kiến và không có yêu cầu. Ông **H** kính đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và thống nhất với lời trình bày của bà **Hà Thị Đ1**.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** vẫn giữ nguyên như yêu cầu của mình và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Bị đơn: Cơ quan Bảo hiểm xã hội **thị xã G** vẫn giữ nguyên ý kiến và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự; Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật định.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66, 69 luật BHXH 2014.

Không chấp nhận yêu cầu của bà **Lâm Thị Thu B**, chị **Hà Mỹ D** việc yêu cầu yêu cầu công nhận di chúc do ông **Hà Văn H2** lập ngày 28/01/2021 là hợp pháp.

Không chấp nhận yêu cầu của bà **B** và chị **D** về việc Yêu cầu Bảo hiểm xã hội **thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** thanh toán khoản tiền bảo hiểm xã hội của ông **Hà Văn H2** theo di chúc được lập ngày 28/01/2021.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** có yêu cầu về được hưởng thừa kế theo di chúc. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **D1**; ông **H** và ông **K** có yêu cầu được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông **H**, ông **D1**, ông **K** theo quy định.

3. Về nội dung vụ án: Đồng nguyên đơn bà **Lâm Thị Thu B1** và chị **H3** Mỹ Duyên yêu cầu công nhận di chúc do ông **H2** lập ngày 28/01/2021 là hợp pháp; Yêu cầu Bảo hiểm xã hội **thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** thanh toán khoản tiền bảo hiểm xã hội của ông **Hà Văn H2** theo di chúc được lập ngày 28/01/2021 mà bà **B1** và chị **Hà Thị D2** thừa hưởng. Căn cứ yêu cầu: ngày 23/7/2022 ông **Hà Văn H2** chết, trước khi chết có lập di chúc để định đoạt phần chế độ chính sách của ông **H2** cho bà **B1** và chị **D2** cụ thể: “Lĩnh hết các khoản tiền nhà ưu đãi đối với người có công...lĩnh thêm tiền tuất thường xuyên hàng tháng...”

Bị đơn Đại diện Bảo hiểm xã hội **thị xã G** ông **Nguyễn L** cho rằng: quy trình hồ sơ hưởng chế độ tử tuất thì hồ sơ phải có đầy đủ bao gồm: Bản sao giấy chứng tử hoặc báo tử; Tờ khai thân nhân (có quyền hưởng một lần hay thường xuyên theo mẫu 09 theo Quyết định 166 về quy trình giải quyết các chế độ). Bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** nộp tờ khai thân nhân thì không có xác nhận của chính quyền địa phương. Nên, **Q** không đủ cơ sở giải quyết chế độ tử tuất của ông **Hà Văn H2**.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thì Chế độ chính sách đối với người có công (người đang hưởng lương hưu) khi chết bao gồm: tiền mai táng phí là 10 tháng lương cơ sở và ba tháng lương hưu hiện hưởng (là hưởng 01 lần). Còn chế độ hưởng thường xuyên thì mai táng phí là 10 tháng lương cơ sở và hưởng một định suất là ½ tháng lương cơ sở đối với thân nhân là cha, mẹ, vợ, chồng (đã hết tuổi lao động); con (chưa đến tuổi lao động). Trong đó: cha, mẹ, vợ chồng hưởng đến khi chết; con thì hưởng đến 18 tuổi.

Thấy rằng, theo di chúc lập ngày 28/01/2021 trước khi ông **Hà Văn H2** qua đời đã lập di chúc để định đoạt các chế độ chính sách mà ông **Hà Văn H2** được hưởng sau khi chết. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 624 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về di chúc như sau: “Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết”

Theo quy định tại Điều 105 của Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”

Căn cứ Điều 612 Bộ LDS 2015 quy định: “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”.

Tuy nhiên, theo quy định tại Mục 5 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về chế độ tử tuất đối với người đang hưởng lương hưu chết. Cụ thể như sau: Trợ cấp mai táng bằng 10 mức lương cơ sở cho người lo mai táng; trợ cấp tuất

hàng tháng bằng 50% mức lương cơ sở hoặc trợ cấp tuất một lần thấp nhất bằng 03 tháng lương hưu đang hưởng.

Từ các quy định trên cho thấy tiền tử tuất là khoản tiền nằm trong chế độ bảo hiểm xã hội giành cho thân nhân của người tham gia bảo hiểm xã hội chết gồm: Trợ cấp mai táng cho lo mai táng, trợ cấp tuất. Còn di sản thừa kế là tài sản do người chết để lại, bao gồm cả phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác. Do đó chế độ tử tuất không được coi là tài sản riêng của người đang hưởng lương hưu đã chết. Vì vậy, theo yêu cầu của bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** có yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 28/01/2021 là hợp pháp là không có cơ sở để được chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** có yêu cầu Bảo hiểm xã hội **thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** thanh toán khoản tiền bảo hiểm xã hội của ông **Hà Văn H2** theo di chúc được lập ngày 28/01/2021 mà bà **B** và chị **Hà Thị D2** thừa hưởng. Xét thấy: theo quy định tại Điều 111 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Quyết định 166 về quy trình giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội thì hồ sơ phải có đầy đủ bao gồm: Bản sao giấy chứng tử hoặc báo tử; Tờ khai thân nhân (có quyền hưởng một lần hay hàng tháng theo mẫu 09). Tại tờ khai thân nhân Bà **Lâm Thị Thu B** và chị **H3** Mỹ Duyên nộp cho bảo hiểm xã hội **thị xã G** chưa có xác nhận của chính quyền địa phương. Nên, cơ bảo hiểm xã hội **thị xã G** không đủ cơ sở giải quyết chế độ tử tuất của ông **Hà Văn H2** là căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** về việc: Công nhận di chúc lập ngày 28/01/2021 là hợp pháp và yêu cầu Bảo hiểm xã hội **thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** thanh toán khoản tiền bảo hiểm xã hội của ông **Hà Văn H2** theo di chúc được lập ngày 28/01/2021 để bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** thừa hưởng”

Xét ý kiến của bà **Hà Thị Đ1** có yêu cầu giao khoản tiền trợ cấp mai táng cho ông **Hà Văn C**, để ông **C** được hưởng. Thấy rằng, đây chỉ là ý kiến của bà **Đ1** và chưa thông qua thủ tục nộp hồ sơ tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội, nên không đủ cơ sở để xem xét ý kiến này của bà **Đ1**.

Xét ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà **Lâm Thị Thu B** có nghĩa chịu tiền án phí là 300,000 đồng, chị **H3** Mỹ Duyên có nghĩa vụ chịu tiền án phí là 300,000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 105; Điều 612; Điều 624 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69 và Điều 111 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** về việc có yêu cầu:

Công nhận di chúc lập ngày 28/01/2021 là hợp pháp

Yêu cầu Bảo hiểm xã hội **thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** thanh toán khoản tiền bảo hiểm xã hội của ông **Hà Văn H2** theo di chúc được lập ngày 28/01/2021 mà tôi và bà **Hà Thị D2** thừa hưởng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lâm Thị Thu B** có nghĩa chịu tiền án phí là 300,000đ; Chị **Hà Mỹ D** có nghĩa vụ chịu tiền án phí là 300,000đ. Bà **Lâm Thị Thu B** và chị **Hà Mỹ D** mỗi người đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300,000đ theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004612 và 0004613 ngày 30/12/2022 được chuyển thu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc K1